

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2022
“V/v Ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đình Thành
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai
- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồ Yên Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1972 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 8, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- 2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 8, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2022 và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày:

Bà B và ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 19/6/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, nguyên nhân là do ông S lười nhác không lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, còn thường xuyên bỏ nhà đi và thay đổi số điện thoại mà không thông báo cho bà B biết. Bà B đã nhiều lần khuyên ông S thay đổi, ở nhà tu chí làm ăn nhưng ông S vẫn không thay đổi và liên tục bỏ nhà đi, cắt đứt liên lạc. Do đó, bà B nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Trong quá trình chung sống, bà B và ông S không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên bà B không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn S, bị đơn cư trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 19/6/2013, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xét thấy tuy không có cơ sở để xác định giữa vợ chồng bà B và ông S có mâu thuẫn hay không, nhưng trên thực tế việc ông S thường xuyên vắng nhà, không sống chung và cắt đứt mọi liên lạc với bà B là vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình và làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà B trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008154 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (13/6/2022); Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND phường L, Tx.Phước Long (Số 72, ngày 19/6/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Vân